

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRẦN NGHĨA HÒA

**THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI
Ở VÙNG BẮC TRUNG BỘ VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ

Mã số: 62 34 01 01

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. TRẦN THỊ MINH CHÂU

HÀ NỘI - 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án

Trần Nghĩa Hòa

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO VÙNG BẮC TRUNG BỘ VIỆT NAM	6
1.1. Những thành quả nghiên cứu ở các nước về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài	6
1.2. Tình hình nghiên cứu trong nước về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài	18
1.3. Những vấn đề về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài cần phải tiếp tục nghiên cứu	23
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO VÙNG KINH TẾ	27
2.1. Khái niệm, đặc điểm và sự cần thiết thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài	27
2.2. Nội dung, hình thức, tiêu chí và các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào vùng kinh tế	42
2.3. Kinh nghiệm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của một số vùng và bài học cho vùng Bắc Trung Bộ	52
Chương 3: THỰC TRẠNG THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO VÙNG BẮC TRUNG BỘ	64
3.1. Lợi thế và bất lợi thế của vùng Bắc Trung Bộ về điều kiện, tự nhiên, kinh tế và xã hội liên quan đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài	64
3.2. Thực trạng thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào vùng Bắc Trung Bộ	68
3.3. Đánh giá thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào vùng Bắc Trung Bộ	88
Chương 4: PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI Ở VÙNG BẮC TRUNG BỘ	116
4.1. Dự báo và phương hướng tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở vùng Bắc Trung Bộ	116
4.2. Giải pháp tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở vùng Bắc Trung Bộ	132
KẾT LUẬN	152
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	154
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	155

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ASEAN	: Association of Southeast Asian Nations - Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
CNH, HĐH	: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
DN	: Doanh nghiệp
ĐT	: Đầu tư
ĐTNN	: Đầu tư nước ngoài
GDP	: Gross Domestic Product - Tổng sản phẩm quốc nội
FDI	: Foreign Direct Investment - Đầu tư trực tiếp nước ngoài
IMF	: International Monetary Fund - Quỹ tiền tệ quốc tế
KCN	: Khu công nghiệp
KH&CN	: Khoa học và công nghệ
KT-XH	: Kinh tế - xã hội
MNEs	: Multinational Corporation - Công ty đa quốc gia
NK	: Nhập khẩu
ODA	: Official Development Assistance - Hỗ trợ phát triển chính thức
PTA	: Preferential Trade Arrangements - Thỏa thuận thương mại ưu đãi
SXKD	: Sản xuất, kinh doanh
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TNCs	: Transnational Corporation - Công ty xuyên quốc gia
USD	: United States dollar - Đô la Mỹ
UBND	: Ủy ban nhân dân
XK	: Xuất khẩu
WTO	: World Trade Organization - Tổ chức Thương mại Thế giới

DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU, HÌNH

		Trang
Bảng 3.1	Số dự án và vốn FDI đăng ký còn hiệu lực giai đoạn 2012-2014 (theo lũy kế tính đến ngày 31/12)	88
Bảng 3.2	Số doanh nghiệp FDI đang hoạt động sản xuất, kinh doanh tại thời điểm 31/12 hàng năm ở vùng Bắc Trung Bộ giai đoạn 2007-2014	89
Bảng 3.3	Lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài lũy kế đến ngày 31/12 ở vùng Bắc Trung Bộ đang hoạt động giai đoạn 2007-2014	91
Bảng 3.4	Thuế đã nộp trong năm của các doanh nghiệp FDI vùng Bắc Trung Bộ (2007-2014)	102
Hình 3.1	Tốc độ tăng trưởng doanh nghiệp FDI đang hoạt động sản xuất, kinh doanh tại thời điểm 31/12 hàng năm ở vùng Bắc Trung Bộ giai đoạn 2007-2014	90
Hình 3.2	Mức tăng trưởng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại vùng Bắc Trung Bộ giai đoạn 2007-2014	91
Hình 3.3	FDI vào vùng Bắc Trung Bộ phân theo lĩnh vực năm 2014	92

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là hình thức đầu tư (ĐT) dài hạn của cá nhân hay doanh nghiệp (DN) nước này vào nước khác bằng cách thành lập cơ sở sản xuất, kinh doanh (SXKD) và nắm quyền quản lý trực tiếp. Động lực để nhà đầu tư nước ngoài (ĐTNN) bỏ vốn vào cơ sở SXKD ở nước khác là tìm kiếm cơ hội ĐT có tỷ suất sinh lời cao hơn, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm vốn có của họ, tiếp cận nguồn lực của nước khác. Động cơ để một nước thu hút FDI là bổ sung vốn phục vụ phát triển kinh tế, du nhập công nghệ mới vào trong nước, mở rộng thị trường ở nước ngoài, tạo việc làm, thu nhập mới cho dân cư. Sự gặp nhau giữa nhà ĐTNN và chính sách thu hút FDI của nước sở tại sẽ đem đến thành công cho cả hai bên.

Nhận thức rõ lợi ích của đầu tư nước ngoài đối với quá trình phát triển kinh tế trong nước, trong nhiều năm nay Chính phủ và các cấp chính quyền địa phương ở Việt Nam đã tích cực đưa ra nhiều chính sách thu hút FDI. Nhờ đó lượng FDI vào Việt Nam khá lớn. Tính đến ngày 31/12/2014, cả nước đã thu hút được 17.768 dự án FDI từ 101 quốc gia và vùng lãnh thổ với tổng vốn đăng ký đạt 252,7 tỷ USD [29]. Những năm gần đây bình quân, khu vực FDI đã đóng góp gần 20% GDP, cung cấp nhiều việc làm với mức thu nhập khá cao, cung cấp phần lớn nguồn hàng công nghiệp cho xuất khẩu (XK). Tuy nhiên, FDI vẫn phân bố chủ yếu ở các địa phương phát triển trong nước. Các địa phương kém phát triển hơn gặp khá nhiều khó khăn trong thu hút FDI.

Bắc Trung Bộ là một trong những vùng thu hút được ít FDI. Từ năm 1987 đến nay, cả vùng mới thu hút được 272 dự án FDI với số vốn đăng ký gần 25 tỷ USD, tương đương 1,5% số dự án và gần 10% vốn đăng ký của cả nước [96]. Trong khi đó Bắc Trung Bộ là khu vực rộng lớn, trọng yếu của quốc gia, rất cần vốn để phát triển. Mặc dù về nhiều phương diện Bắc Trung Bộ không

có sức mạnh cạnh tranh như Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, nhưng các tỉnh trong Vùng cũng có một số lợi thế nhất định như nguồn lao động dồi dào, siêng năng, sáng tạo, nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, bờ biển dài với nhiều bãi biển có tiềm năng du lịch, nằm trên các tuyến đường giao thông chính của quốc gia, quốc tế... Trong những năm gần đây, các tỉnh trong Vùng cũng sáng tạo tìm cách thu hút nhiều dự án FDI hơn nữa để phát huy được thế mạnh của vùng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH). Nếu thu hút được nhiều FDI vào địa bàn, vùng Bắc Trung Bộ không những có điều kiện đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, đuổi kịp các vùng khác trong nước, mà còn tạo cú hích về đào tạo tay nghề cho lực lượng lao động của địa phương, thúc đẩy cải cách hành chính trong khu vực, kích thích ĐT trong nước phát triển.

Hơn nữa, chủ trương mở rộng phân cấp ra quyết định ĐT cho chính quyền địa phương của Nhà nước ta đã tạo điều kiện cho chính quyền các tỉnh trong Vùng có thể năng động, linh hoạt trong xây dựng chính sách đặc thù thu hút FDI, khuyến khích các tỉnh liên kết, hợp tác phát triển các chuỗi giá trị sản phẩm lấy FDI làm chất xúc tác.

Để giúp chính quyền các tỉnh trong Vùng thu hút FDI, cần tiến hành nghiên cứu có hệ thống những vấn đề liên quan đến thu hút FDI vào Vùng. Đó là lý do nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài "***Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở vùng Bắc Trung Bộ Việt Nam***" làm đối tượng nghiên cứu trong luận án.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu đề tài là hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về thu hút FDI phục vụ phát triển KT-XH tại vùng lãnh thổ của Việt Nam; phân tích, đánh giá thực trạng thu hút FDI vào vùng Bắc Trung Bộ giai đoạn 2007-2014; đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm tăng cường FDI vào vùng trong giai đoạn đến 2020.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để hoàn thành mục đích trên, quá trình nghiên cứu đề tài luận án đã hoàn thành các nhiệm vụ sau đây:

- Hệ thống hóa có bổ sung, phát triển cơ sở lý luận về thu hút FDI phục vụ phát triển KT-XH vùng lãnh thổ của Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

- Tìm hiểu kinh nghiệm thu hút FDI ở một số nước và một số vùng trong nước, rút ra bài học cho vùng Bắc Trung Bộ.

- Phân tích, đánh giá thực trạng thu hút FDI ở vùng Bắc Trung Bộ trong giai đoạn 2007-2014, chỉ ra những thành công và hạn chế trong thu hút nguồn vốn ĐT này.

- Đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm tăng cường thu hút FDI vào các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ giai đoạn đến 2020.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu đề tài là thu hút FDI vào các tỉnh trong Vùng Bắc Bộ đặt trong khung khổ chính sách chung của cả nước, có tính đến tính liên kết, hợp tác giữa các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi về không gian*: Vùng Bắc Trung Bộ bao gồm 6 tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Phạm vi về thời gian*: Thời gian khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng thu hút FDI vào vùng Bắc Trung Bộ giới hạn trong giai đoạn 2007-2014, tức là từ khi Việt Nam là thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đến nay. Phạm vi đề xuất phương hướng và giải pháp được xác định cho giai đoạn đến 2020.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Phương pháp tiếp cận chủ yếu từ góc độ hành động của chính quyền các tỉnh nhằm thu hút FDI vào tỉnh mình. Sự liên kết vùng chỉ được xem xét ở

phương diện hợp tác tự nguyện của chính quyền các tỉnh nằm trong vùng trên cơ sở chính sách thu hút FDI chung của cả nước. Góc độ động cơ của nhà ĐTNN chỉ được xem xét ở phương diện đối tượng thu hút của chính quyền cấp tỉnh.

Khung phân tích dựa trên lý thuyết lợi thế về chi phí để thu hút FDI vào vùng. Chủ thể thu hút là chính quyền các tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ trong khung khổ chính sách chung của quốc gia và thẩm quyền phân cấp cho cấp tỉnh. Quá trình phân tích nội dung thu hút có xem xét lợi thế so sánh của vùng trong quan hệ với vùng khác trong nước.

Các nghiên cứu, khảo luận dựa trên các giả định là sẵn có các nhà ĐTNN mong muốn ĐT trực tiếp vào vùng Bắc Trung Bộ. Vấn đề là chính quyền các tỉnh trong vùng phải có chính sách thích hợp nhằm thu hút sự quan tâm của họ và tạo điều kiện cho họ hoạt động hiệu quả trong Vùng. Do ở Việt Nam không có chính quyền cấp vùng, cũng không có trung tâm điều phối chính sách vùng đủ mạnh, nên hướng tiếp cận trong luận án chú trọng vai trò hạt nhân của chính quyền cấp tỉnh, đặt trong khung khổ chính sách quốc gia và lợi ích vùng để xem xét.

Ngoài các phương pháp chung, phổ biến trong nghiên cứu khoa học xã hội như phương pháp trừu tượng khoa học, phương pháp phân tích hệ thống, phương pháp phân tích logic kết hợp với lịch sử, phân tích - tổng hợp dựa trên các dữ liệu thu thập được, trong luận án còn sử dụng một số phương pháp đặc thù sau:

- Phương pháp phân tích dựa trên các khung phân tích đã được ứng dụng thành công trong nghiên cứu FDI, cụ thể là phương pháp nghiên cứu lực hút từ nước nhận ĐT thông qua các chính sách tạo lợi thế so sánh về chi phí đầu tư thấp, môi trường đầu tư an toàn và thuận lợi. Phương pháp này được sử dụng trong phân tích, tổng hợp các vấn đề lý thuyết.

- Phương pháp tổng kết thực tiễn dựa trên số liệu thống kê của các cơ quan nhà nước để đánh giá thực trạng thu hút FDI vào vùng Bắc Trung Bộ.

- Phương pháp phân tích - so sánh dựa trên dữ liệu chính thống của các cơ quan nhà nước, thành quả nghiên cứu thể hiện trong các công trình khoa học đã công bố nhằm so sánh kết quả và thực trạng thu hút FDI vào vùng Bắc Trung bộ trong các thời kỳ khác nhau, so sánh FDI vùng Bắc Trung Bộ với vùng khác trong nước.

- Phương pháp nhân - quả để đánh giá định tính tác động của FDI đến phát triển kinh tế và việc làm, thu nhập của dân cư trong vùng.

Ngoài ra, trong luận án còn sử dụng ở mức độ hạn chế phương pháp dự báo, ngoại suy để đưa ra các kiến nghị khoa học về phương hướng, giải pháp tăng cường thu hút FDI vào vùng Bắc Trung Bộ trong giai đoạn từ nay đến 2020.

5. Những đóng góp về khoa học của luận án

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận thu hút FDI vào vùng kinh tế từ phương diện địa phương nhận ĐT gắn với đặc điểm, điều kiện thực tế của vùng kinh tế trong tiến trình hội nhập quốc tế.

- Làm rõ điểm mạnh, điểm yếu của thực trạng thu hút FDI vào các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ giai đoạn 2007-2014, chỉ ra các nguyên nhân dẫn đến các hạn chế đó.

- Đề xuất phương hướng và giải pháp tăng cường thu hút FDI vào vùng Bắc Trung Bộ giai đoạn đến 2020.

6. Kết cấu luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận án được trình bày trong 4 chương, 10 tiết.